

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG BÌNH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN BIIG2 QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
TUYỂN ĐƯỜNG PHÚ HẢI – LƯƠNG NINH

ĐỊA ĐIỂM

PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI VÀ
XÃ LƯƠNG NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Quảng Bình, tháng 4 năm 2022

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG BÌNH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN BIIG2 QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
TUYỂN ĐƯỜNG PHÚ HẢI – LƯƠNG NINH

ĐỊA ĐIỂM
PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI VÀ
XÃ LƯƠNG NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN



Nguyễn Việt Vương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



Lê Anh Tuấn

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, ngành giao thông vận tải quốc gia nói chung và mạng lưới giao thông đường bộ nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã có những bước phát triển mạnh mẽ về cả số lượng cũng như chất lượng.

Tuyến đường Phú Hải – Lương Ninh được đầu tư nhằm tạo tiền đề để phát triển hạ tầng các khu đô thị, dân cư, khu dịch vụ thương mại mới, công viên cảnh quan,... tại phường Phú Hải thành phố Đồng Hới và xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tạo động lực thu hút các nhà đầu tư các dự án trong khu vực. Giảm tải lưu lượng giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn qua trung tâm thành phố Đồng Hới. Phát triển mạng lưới giao thông kết nối bến xe liên tỉnh và dân cư từ khu vực cầu Nhật Lệ 2 đến xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, đồng thời đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, phát triển sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trong vùng. Với chức năng đường phố chính chủ yếu kết nối giao thông ngoại vi, đầu mối liên tỉnh, các trục dọc Quốc lộ, mạng lưới đường đô thị.

Thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và các Quy định của Nhà nước về Bảo vệ môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án “Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh” nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững cho dự án trong giai đoạn thi công xây dựng cũng như khi đi vào hoạt động. Báo cáo sẽ giúp cho Chủ đầu tư có những thông tin cần thiết để lựa chọn những giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường trong khu vực. Đồng thời, đây là cơ sở khoa học cho các cơ quan quản lý về môi trường trong việc thẩm định, giám sát và quản lý các hoạt động của Dự án một cách bền vững.

1. Vị trí thực hiện Dự án

Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh là tuyến trục dọc trong tổng thể Quy hoạch chi tiết phân khu vực phía Nam thành phố Đồng Hới tại Quyết định phê duyệt số 3526/QĐ-UBND ngày 25/9/2020. Dự án đi qua địa phận phường Phú Hải – thành phố Đồng Hới và xã Lương Ninh – huyện Quảng Ninh. Bao gồm:

* Tuyến chính:

- Điểm đầu (Km0): Tại lý trình Km2+518 của tuyến đường nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông thuộc địa phận phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới;

- Điểm cuối (Km3+445,99) giao với trục ngang đường Quy hoạch 36m, thuộc địa phận xã Lương Ninh huyện Quảng Ninh. Trong đó đoạn Km0+338,11 đến Km0+690,33 không thi công do thuộc dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ.

* Đoạn mở rộng (tuyến nhánh): Điểm đầu (Km0) giao với tim trục dọc đường Quy hoạch 25m nói trên; điểm cuối điểm (Km0+471,42) giao tim đường Quốc lộ 1A tại lý trình Km668+815 thuộc địa phận xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh.

Tổng chiều dài Dự án $L = 3093,77 + 471,42 = 3.565,19\text{m}$ (Không tính đoạn Km0+338,11 đến Km0+690,33, thuộc tuyến chính đi dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ).



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu vực dự kiến xây dựng Dự án

2. Tác động môi trường của dự án đầu tư;

a. Các tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng Dự án

Các tác động chính trong giai đoạn này được tóm tắt ở bảng sau đây:

TT	Hoạt động tạo nguồn gây tác động	Nguồn gây tác động
1	Thi công đường, cầu	Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO ₂ và HC). Chất thải rắn. Tiếng ồn Sự cố
2	Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu đến công trường	Bụi, khí thải Sự cố
3	Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận tải.	Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO ₂ và HC). Chất thải nguy hại
4	Hoạt động của cán bộ, công nhân.	Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt
5	Nước mưa chảy tràn.	Chất bẩn từ bề mặt công trường.

b. Các tác động môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành

Các tác động chính trong giai đoạn này được tóm tắt ở bảng sau đây:

TT	Hoạt động tạo nguồn gây tác động	Nguồn gây tác động
1	Hoạt động của các phương tiện ra vào Dự án	Bụi, khí thải
2	Nước mưa chảy tràn	Chất bẩn từ bề mặt

3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án

a. Giảm thiểu tác động tiêu cực do nước thải và nước mưa chảy tràn

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Ưu tiên thuê nhà dân cho công nhân lưu trú sinh hoạt để tận dụng các công trình nhà vệ sinh, xử lý nước thải của người dân để xử lý nước thải của công nhân.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

* Đối với nước mưa chảy tràn

- Áp dụng phương thức thi công đào, đắp thi công tuyến đường theo hình thức cuốn chiếu. Việc thi công theo phương thức như trên sẽ hạn chế khối lượng đất hữu cơ do đào nền thi công đường, đồng thời hạn chế khối lượng đất vận chuyển về đắp đường vào cùng một lúc sẽ hạn chế lượng đất, cát bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi vào một thời điểm.

- Trong quá trình thi công, khối lượng vật liệu không thích hợp phát sinh tới đâu sẽ vận chuyển đi san lấp tại các bãi đổ. Không đổ thải bừa bãi, vun thành đống cao hai bên tuyến đường để hạn chế bụi cuốn khi có gió hay nước mưa chảy tràn cuốn trôi bồi lấp đoạn đường đang thi công, ruộng lúa, ao hồ xung quanh hai bên tuyến đường di công.

- Hạn chế các hoạt động đào đắp, thi công vào những ngày mưa để tránh hiện tượng trôi rửa chất ô nhiễm trên bề mặt, ảnh hưởng đến môi trường nước và gây mất mỹ quan khu vực

- Các điểm tập kết vật liệu như xi măng, sắt thép, nhà chứa máy móc, thiết bị thi công sẽ được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng;

- Thu gom dầu mỡ bôi trơn tại các bãi đỗ xe, các địa điểm đặt thiết bị thi công để tái sử dụng hoặc bán tận dụng, tránh không để chảy tràn hoặc thải tự do ra công trường.

- Các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công, thùng đựng dầu mỡ thải sẽ được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng;

- Tạo rãnh thoát nước dọc hai bên tuyến đường thi công để thu gom nước mưa chảy tràn trên tuyến đường thi công. Các đoạn đi qua ruộng lúa, ao hồ nuôi trồng thủy sản, nương thủy lợi sẽ tạo rãnh thoát nước mưa dọc theo tuyến đường và tạo bờ đê cao hơn phía các khu vực xung quanh nhằm đảm bảo nước mưa không tràn ra 2 bên khu vực gây bồi lấp ruộng lúa ngoài diện tích dự án hay làm đục nước của ao hồ nuôi trồng thủy sản. Nước mưa sẽ chảy theo rãnh thoát nước và thoát theo địa hình khu vực.

- Tại các khu vực thấp trũng sẽ thi công công thoát nước ngang cùng quá trình thi công nền đường để đảm bảo thoát nước các khu vực phía Tây Dự án mà không gây ngập úng.

- Gia cố taluy bằng đá hộc xây vữa M100 dày 25cm, chân khay bê tông M150.

- Quá trình thi công nền đường, cầu sẽ tạo dốc ngang mặt đường imặt = 2,0%; dốc ngang hè đường i = 1,0%; dốc ngang lề đất i = 5,0%, để thoát nước mưa về các rãnh thoát nước mưa dọc tuyến đường nhằm thu gom nước mưa không chảy tràn ra xung quanh các khu vực khác.

- Thi công công thoát nước ngang và rãnh thoát nước mặt đường đồng thời với công tác thi công nền đường. Hướng thoát nước mưa từ Tây sang Đông, nước mưa từ các khu vực phía Tây tuyến đường sẽ theo định hình, thoát về các công ngang chảy về phía Đông của tuyến đường, sau đó thoát theo địa hình.

Hệ thống thoát nước mưa của tuyến đường:

- Hệ thống thoát nước ngang:

+ Đối với các cống trên các đoạn đường cũ vẫn đảm bảo khẩu độ và còn tốt thì tận dụng nổi cống, các cống hư hỏng nặng và không đảm bảo khẩu độ thay thế cống mới.

+ Cống có khẩu độ 1000x1000mm đến 3000x3000mm.

- Vị trí đặt các cửa xả của tuyến đường tại các mương thủy lợi của khu vực để nước mưa thoát theo hệ thống mương thủy lợi, không xả vào ruộng lúa, ao hồ của người dân tránh ngập lụt ruộng lúa, ao hồ của người dân ngoài diện tích Dự án.

** Hệ thống thoát nước dọc:*

- Thi công hệ thống thoát nước dọc 1 bên tuyến đường với D600-1500mm.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sẽ được thu gom bằng các hố thu, cống thoát nước ngang về hệ thống thoát nước dọc thi công dọc tuyến đường và thoát theo vị trí các cửa xả của tuyến đường ra các mương thủy lợi hiện có.

** Tại các bãi đổ vật liệu không thích hợp*

- Đất được vận chuyển đến đổ trong khu vực bãi thải, không đổ tràn ra ngoài khu vực bãi thải.

- Tạo các rãnh thoát nước mưa xung quanh khu vực bãi thải. Trên các mương thoát nước này bố trí các hố ga lắng cặn (40 - 50m/hố) để lắng đất và các chất rắn lơ lửng có trong nước trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

- Quá trình đổ đất đến đâu sẽ tiến hành san gạt tạo mặt bằng cho khu vực bãi thải.

** Nước thải xây dựng*

- Lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất gây ô nhiễm môi trường;

- Nước làm sạch dụng cụ xây dựng, được chứa trong các thùng phi, phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình hoặc tận dụng lại cho việc trộn vữa xi măng;

- Giáo dục ý thức tiết kiệm nước trong hoạt động xây dựng của công nhân tham gia thi công.

b. Giảm thiểu các tác động đến môi trường không khí

- Áp dụng biện pháp thi công đào, đắp và san lấp tạo mặt bằng theo hình thức cuốn chiếu, thi công đến đâu tiến hành san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu về khu vực công trình đến đó để hạn chế khối lượng lớn đất bóc bề mặt phát sinh cùng lúc và đất, cát cần đắp bù nhằm hạn chế lượng bụi phát tán trên diện tích rộng. Thi công xong đoạn này rồi mới tiếp tục thi công đoạn khác.

- Che chắn tạm thời các bãi tập kết nguyên vật liệu (xi măng, sắt thép, đá

dầm...) chưa dùng đến bằng bạt hoặc tôn để tránh, hạn chế bụi cuốn khi có gió;

- Trong quá trình thi công, khối lượng vật liệu không thích hợp phát sinh tới đâu sẽ vận chuyển đi san lấp tại các bãi đổ vật liệu không thích hợp. Khi đổ vào các khu vực nào sẽ tiến hành san gạt tạo mặt bằng nhằm đảm bảo cảnh quan và hạn chế bụi phát sinh vào mùa khô cũng như hạn chế bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi vào mùa mưa. Không đổ thải bừa bãi, vun thành đống cao hai bên tuyến đường để hạn chế bụi cuốn khi có gió hay nước mưa chảy tràn cuốn trôi bồi lấp đoạn đường đang thi công.

- Quá trình đổ đất san lấp thi công các tuyến đường đến đâu sẽ bố trí các xe ủi, san gạt, lu để tiến hành san gạt và lu chặt đến đó nhằm hạn chế bụi cuốn trên bề mặt công trường;

- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn và vệ sinh bề mặt khu vực thi công (*tại bãi chứa nguyên vật liệu*) sau mỗi ngày làm việc để thu gom lượng đất, đá, cát, vật liệu dư thừa rơi vãi trên bề mặt nhằm hạn chế bụi cuốn khi thời tiết có gió hoặc bị cuốn trôi khi thời tiết khu vực có mưa;

- Trang bị cho công nhân các trang thiết bị lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay,... để đảm bảo sức khoẻ lao động;

- Tiến hành phun nước chống bụi thường xuyên trên tuyến đường thi công, đặc biệt là các đoạn qua khu dân cư, khu vực nuôi trồng thủy sản và về mùa khô, tần suất 4 lần/ngày.

- Không vận chuyển nguyên vật liệu tập trung cùng một lúc, thi công đến đâu tiến hành vận chuyển nguyên vật liệu về khu vực Dự án đến đó để hạn chế bụi phát tán ra môi trường và giảm lưu lượng xe vận chuyển tập trung.

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành; xe chạy đúng tốc độ quy định; không chở quá trọng tải cho phép để hạn chế lượng bụi phát sinh và vận chuyển ngoài giờ cao điểm;

- Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý, giám sát đơn vị được thuê vận chuyển nguyên vật liệu trên các tuyến đường vận chuyển, giảm thiểu bụi cuốn trên đường. Đơn vị thi công có trách nhiệm dọn dẹp đất rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển;

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm để giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển;

- Xe chở vật liệu xây dựng sẽ không chở quá tải trọng cho phép và tuân thủ tốc độ quy định;

- Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công hạn chế tập kết nguyên vật liệu vào thời điểm khu vực có mưa để hạn chế được lượng bùn bám dính bánh xe ra các đường vận chuyển;

- Quá trình vận chuyển vật liệu không thích hợp, chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn

vị thi công bố trí lịch vận chuyển hợp lý, không tập trung xe vận chuyển, chở quá tải trọng để hạn chế đất rơi vãi gây bụi khi trời khô.

- Lựa chọn những nhà thầu thi công có phương tiện vận tải được cơ quan đăng kiểm cấp phép (*đây là một tiêu chí trong đấu thầu thi công*);

- Không tập trung các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động cùng lúc tại một địa điểm cố định để hạn chế ô nhiễm cục bộ;

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy bị hỏng hóc để hạn chế thấp nhất mức tiêu hao nhiên liệu, tức là hạn chế lượng khí thải phát sinh;

- Lựa chọn các mỏ cung cấp nguyên, vật liệu gần nhất như đã trình bày (*đã được cấp phép về môi trường*).

c. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 01 thùng đựng rác loại 100 lít tại nhà thuê của người dân và 02 thùng 50l trên công trường để thu gom rác thải. Rác thải sẽ được thu gom và hợp đồng với các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn để vận chuyển đi xử lý.

- Đối với nguồn rác thải hữu cơ, là thức ăn thừa, sẽ được thu gom cho các hộ có chăn nuôi trong khu vực.

d. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường

Tuyệt đối không để chất thải rắn bên ngoài khu vực Dự án, vừa chiếm dụng đất, gây ô nhiễm môi trường vừa làm mất mỹ quan khu vực. Tất cả các loại nguyên, vật liệu xây dựng, chất thải xây dựng, phương tiện vận chuyển được tập trung tại bãi tập kết nguyên vật liệu.

+ Áp dụng phương pháp thi công theo hình thức cuốn chiếu giảm lượng đất đào trong một thời điểm;

+ Đối với thi công cầu, các đoạn qua ruộng lúa, ao hồ ưu tiên thi công vào mùa khô để đất hữu cơ đào được khô ráo hơn. Khối lượng đất bùn ướt từ quá trình thi công các cầu, ruộng lúa sẽ bố trí bãi lưu giữ tạm trong diện tích của tuyến đường thi công (khu vực chưa thi công tuyến) để ráo nước trước khi vận chuyển đến bãi đổ vật liệu không thích hợp và trong quá trình vận chuyển không phát sinh nước trên các tuyến đường mất mỹ quan khu vực. Bãi lưu giữ tạm chỉ chứa khối lượng đất cát bóc trong thời gian ngắn, sau khi đất cát ráo nước sẽ vận chuyển ngay đến bãi chứa vật liệu không thích hợp đã được chính quyền địa phương và Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đồng ý. (*biên bản làm việc với các bên liên quan kèm phụ lục*)

+ Không được đổ vật liệu không thích hợp bừa bãi trên bề mặt khu vực thi công để hạn chế các tác động do bụi khi thời tiết khu vực khô hanh, có gió hoặc bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn khi thời tiết có mưa;

+ Không vun đống cao hai bên khu vực thi công để hạn chế xói lở khi thời tiết có mưa cuốn gây bồi lấp tuyến đường và ngoài diện tích Dự án để hạn chế

chiếm dụng đất của người dân.

+ Những đoạn thi công qua khu dân cư, không tập trung vật liệu không thích hợp để hạn chế bụi và gây cản trở hoạt động giao thông của người dân.

+ Sử dụng xe vận chuyển vật liệu không thích hợp bốc đến đâu vận chuyển san lấp đến đó tại các bãi đổ vật liệu không thích hợp.

+ Vận chuyển vật liệu không thích hợp đến đổ đúng các bãi đổ vật liệu không thích hợp được chính quyền địa phương và Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đồng ý. (*biên bản làm việc với các bên liên quan kèm phụ lục*). Chỉ được phép đổ thải tại khu vực được cơ quan có thẩm quyền cho phép đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo đúng quy định pháp luật.

+ Quá trình đổ VL không thích hợp đến đâu sẽ bố trí các xe ủi, san gạt, lu để tiến hành san gạt và lu chặt đến đó nhằm hạn chế bụi cuốn trên bề mặt;

e. Đối với chất thải nguy hại:

- Các chất thải nguy hại như xăng, dầu thải, giẻ lau chùi dầu mỡ, không phát sinh tại khu vực thi công Dự án mà chủ yếu phát sinh tại các dịch vụ sửa chữa, thay dầu máy trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nên nguồn thải này được thu gom và xử lý theo phương thức xử lý chất thải nguy hại tại các cơ sở sửa chữa.

Khi có sự cố hỏng hóc máy móc, thiết bị và phương tiện thi công mà cần sửa chữa tại công trường phải bố trí vật lót đáy (bạt hoặc tôn) để không cho dầu mỡ rơi vãi xuống nền đất và thu gom vào thùng chứa có nắp đậy theo quy định về xử lý chất thải nguy hại.

- Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công phải cam kết thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.

- Thu gom, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công trường vào 02 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời tại mỗi công trường thi công; có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

f. Giảm thiểu rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng Công trình

** Giảm thiểu các rủi ro do bom mìn còn sót lại sau chiến tranh:*

- Tiến hành rà phá bom mìn còn sót lại sau chiến tranh trước khi tiến hành đào nền, san lấp mặt bằng và xây dựng các hạng mục của tuyến đường;

- Thuê đơn vị có đủ năng lực chuyên môn và được cấp phép về rà phá bom mìn để thực hiện công việc này;

- Trước khi tiến hành rà phá bom mìn thì đơn vị rà phá và Chủ đầu tư

thông báo cho chính quyền địa phương và người dân khu vực, đồng thời đặt các hàng rào giới hạn, biển cảnh báo và người cảnh giới ở vị trí an toàn xung quanh khu vực rà phá;

- Chỉ khi nào tiến hành xong công tác rà phá bom mìn mới được thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tiếp theo.

** Giảm thiểu sự cố xói mòn, sạt lở đất tại các khu vực đào, đắp:*

- Không tiến hành đào, đắp đất để thi công các tuyến đường khi thời tiết khu vực có mưa lớn;

- Đắp đắp các tuyến đường đổ đến đâu sẽ tiến hành san gạt, lu lèn đầm chặt để hạn chế bụi cuốn khi có gió và xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất khi có mưa;

- Thi công cống thoát nước đồng thời với công tác thi công nền đường.

- Tạo rãnh thoát nước dọc hai bên tuyến đường thi công để thu gom nước mưa chảy tràn trên tuyến đường thi công. Đặc biệt các đoạn đi qua ruộng lúa, ao hồ nuôi trồng thủy sản sẽ tạo rãnh thoát nước mưa dọc theo tuyến đường và tạo bờ đê cao hơn phía các khu vực này nhằm đảm bảo nước mưa không tràn vào khu vực này gây bồi lấp hay làm đục nước của ao hồ nuôi trồng thủy sản. Nước mưa sẽ chảy theo rãnh thoát nước và thoát theo địa hình khu vực.

- Tại các khu vực thấp trũng sẽ thi công cống thoát nước ngang cùng quá trình thi công nền đường để đảm bảo thoát nước các khu vực phía Tây Dự án mà không gây ngập úng.

** Đảm bảo an toàn lao động:*

- Đối với các sự cố về an toàn: Đơn vị thi công sẽ tuân thủ và hướng dẫn thực hiện nghiêm ngặt các quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng được quy định tại TCVN 5308 - 91 từ khâu thiết kế đến khâu thi công, cũng như các điều kiện về an toàn trong thi công.

- Niêm yết nội quy an toàn xây dựng, giữ gìn vệ sinh môi trường trên công trường, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của cán bộ công nhân viên.

- Không tập trung nhiều máy móc hoạt động cùng lúc gần các công trình xây dựng kiên cố đã có trước, để hạn chế các khả năng ảnh hưởng bởi rung động và chấn động, gây rạn nứt các công trình lân cận khu vực thi công.

- Cán bộ, công nhân sẽ được phổ biến kỹ thuật về nội quy an toàn lao động, vận hành thiết bị, các phương tiện máy móc thường xuyên phải được kiểm tra về độ an toàn trước khi đưa vào sử dụng.

- Khu vực đang thi công hoặc nguy hiểm do quá trình thi công gây ra phải có bảng chỉ dẫn, biển báo rõ ràng theo đúng quy định về an toàn thi công công trình xây dựng.

** Đảm bảo an toàn giao thông:*

- Bố trí các xe vận chuyển nguyên vật liệu vào khu vực xây dựng công

trình với mật độ hợp lý, tránh vận chuyển tập trung cùng một lúc để tránh gây ùn tắc giao thông.

- Đại diện chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công chỉ được vận chuyển xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống và không được phép chở nguyên vật liệu quá trọng tải cho phép nhằm hạn chế nguy cơ hư hỏng hai tuyến đường vận chuyển chính và các tuyến đường khác trong khu vực.

- Giáo dục ý thức chấp hành Luật an toàn giao thông cho tất cả lái xe, yêu cầu lái xe chạy đúng tốc độ và hạn chế tốc độ trên các đoạn đường giao giữa các tuyến đường để đảm bảo an toàn, hạn chế các sự cố đáng tiếc có thể xảy ra.

- Chủ đầu tư cam kết khắc phục, sửa chữa các tuyến đường giao thông được xác định là bị hư hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu thi công dự án gây ra.

3.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

a. Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí

- Trồng vành đai cây xanh hai bên dọc theo hành lang vỉa hè: Cây xanh không những giúp hấp thu bụi, khí độc, tiếng ồn mà còn góp phần tạo cảnh quan cho tuyến đường nói riêng và khu vực nói chung. Lựa chọn những loại cây phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của khu vực;

+ Cấm các loại xe không đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của nhà nước đi vào tuyến đường.

+ Lắp đặt các loại biển báo để quy định tốc độ, trọng tải của các loại phương tiện khi lưu thông trên tuyến đường này;

b. Giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Đảm bảo thi công các hạng mục thoát nước ngang và dọc các trục đường, hệ thống cống thoát nước mưa bề mặt đường và các cống thoát nước mưa theo đúng thiết kế đã được duyệt để đảm bảo thoát hết nước trên tuyến đường và khu vực xung quanh nhằm không gây ứ đọng nước hoặc gây ngập úng xung quanh tuyến đường.

- Giao cho Đơn vị quản lý tuyến đường bố trí công nhân nạo vét các hố ga, cống thoát nước trên trục đường sau mỗi trận mưa lớn để đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng tuyến đường, phát hiện và đắp bù những vị trí lề đường, mái taluy bị xói mòn.

c. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải rắn

- Tuyên truyền, giáo dục người dân sống hai bên tuyến đường ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi làm mất mỹ quan trên tuyến đường và khu vực lân cận;

d. Giảm thiểu rủi ro, sự cố trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

** Đảm bảo an toàn giao thông*

Sau khi tuyến đường hoàn thành, Chủ đầu tư bàn giao cho đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường và sẽ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Lắp đặt và thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các biển báo tại các đoạn giao nhau giữa tuyến đường với các tuyến đường khác;

- Lắp bảng hướng dẫn về tốc độ;

- Sơn kẻ phân làn xe theo suốt dọc tuyến. Sơn kẻ báo hiệu mặt đường ở các vị trí nút giao.

- Các đoạn có nền đường cao hơn khu vực xung quanh sẽ bố trí hộ lan mềm. Đây là một hệ thống bao gồm các cột sóng, tấm sóng và hai thanh đầu, cuối, có tác dụng chính là giúp phương tiện không bị lệch hướng khỏi đường di chuyển.

- Bố trí cán bộ, công nhân tăng cường công tác kiểm tra trên tuyến trước và sau mưa lũ để phát hiện kịp thời các sự cố (*phát hiện các vết nứt nền đường,...*) để kịp thời khắc phục và xử lý nhằm đảm bảo an toàn cho tuyến đường.

- Kiến nghị cơ quan quản lý chức năng có quy hoạch hợp lý khu vực phía Bắc tuyến đường nhằm đảm bảo cảnh quan chung của khu vực, cũng như thuận lợi trong quản lý các vấn đề vệ sinh, an toàn giao thông dọc trục đường.

** Sự cố lũ lụt, sụt lún, rạn nứt nền đường, cầu, cống*

- Chủ đầu tư giám sát đơn vị thi công theo đúng thiết kế đã được phê duyệt trong quá trình thi công;

- Đơn vị quản lý tuyến đường thường xuyên kiểm tra nền đường, hệ thống thoát nước, hệ thống báo hiệu đường bộ,... Đặc biệt là sau những ngày mưa to, bão lụt để kịp thời phát hiện những hư hỏng xảy ra để có biện pháp khắc phục.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Trong quá trình tiến hành thi công xây dựng Dự án, Đại diện chủ đầu tư sẽ tiến hành giám sát với các nội dung như sau:

Trong quá trình tiến hành thi công xây dựng Dự án, Đại diện chủ đầu tư sẽ tiến hành giám sát với các nội dung như sau:

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí giám sát:

+ K1: Ngã tư giao Quốc lộ 1A và đường từ Cầu Nhật Lệ 2 vào điểm đầu Dự án 17°26'54.6"N 106°37'53.4"E

+ K2: Tại điểm đầu tuyến chính của Dự án 17°26'51.9"N 106°37'41.9"E

+ K3: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K2 khoảng 300m về phía Đông

Nam 17°26'43.8"N 106°37'45.9"E

+ K4: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K3 khoảng 500m về phía Đông

Nam 17°26'22.6"N 106°37'56.3"E

+ K5: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K4 khoảng 500m về phía Đông

Nam 17°26'16.0"N 106°37'59.6"E

+ K6: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K5 khoảng 500m về phía Đông

Nam (đoạn Dự án đi qua) 17°26'09.4"N 106°37'56.0"E

+ K7: Tại ngã 3 giao Quốc lộ 1A và đường vào khu dân cư Phú hồng, cách K6 khoảng 250m về phía Đông Nam 17°26'07.9"N 106°38'04.2"E

+ K8: Tại khu dân cư xóm 1 Lương yển cách k6 khoảng 250m về phía Đông Nam. 17°26'04.2"N 106°38'03.3"E

+ K9: Tại điểm cuối tuyến chính, điểm đầu tuyến nhánh của Dự án 17°25'59.6" N 106°37'59.3"E

+ K10: Tại Quốc lộ 1A, điểm cuối tuyến nhánh 17°26'00.0"N 106°38'06.0"E

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng, bao gồm: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất lượng nước mặt

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, chất rắn lơ lửng, Cod, BOD, Amoni, chì, kẽm, sắt.

- Vị trí giám sát:

+ M₁: tại mương thuỷ lợi Phú Hải – Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 200m về phía thượng lưu. 17°26'09.4"N 106°37'50.0"E

+ M₂: tại mương thuỷ lợi Phú Hải – Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 50m về phía hạ lưu. 17°26'08.5"N 106°37'57.9"E

+ M₃: tại mương thuỷ lợi Phú Hải – Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 100m về phía hạ lưu. 17°26'08.2"N 106°37'59.8"E

+ M₄: tại mương thuỷ lợi Phú Hải – Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 150m về phía hạ lưu. 17°26'08.0"N 106°38'02.1"E

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

c. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt tại khu vực sinh hoạt của công nhân

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Tổng chất hòa tan, Amoni, NO₃⁻; Dầu mỡ; Tổng Coliform

- Vị trí giám sát: trước và sau của bể thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

d. Giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

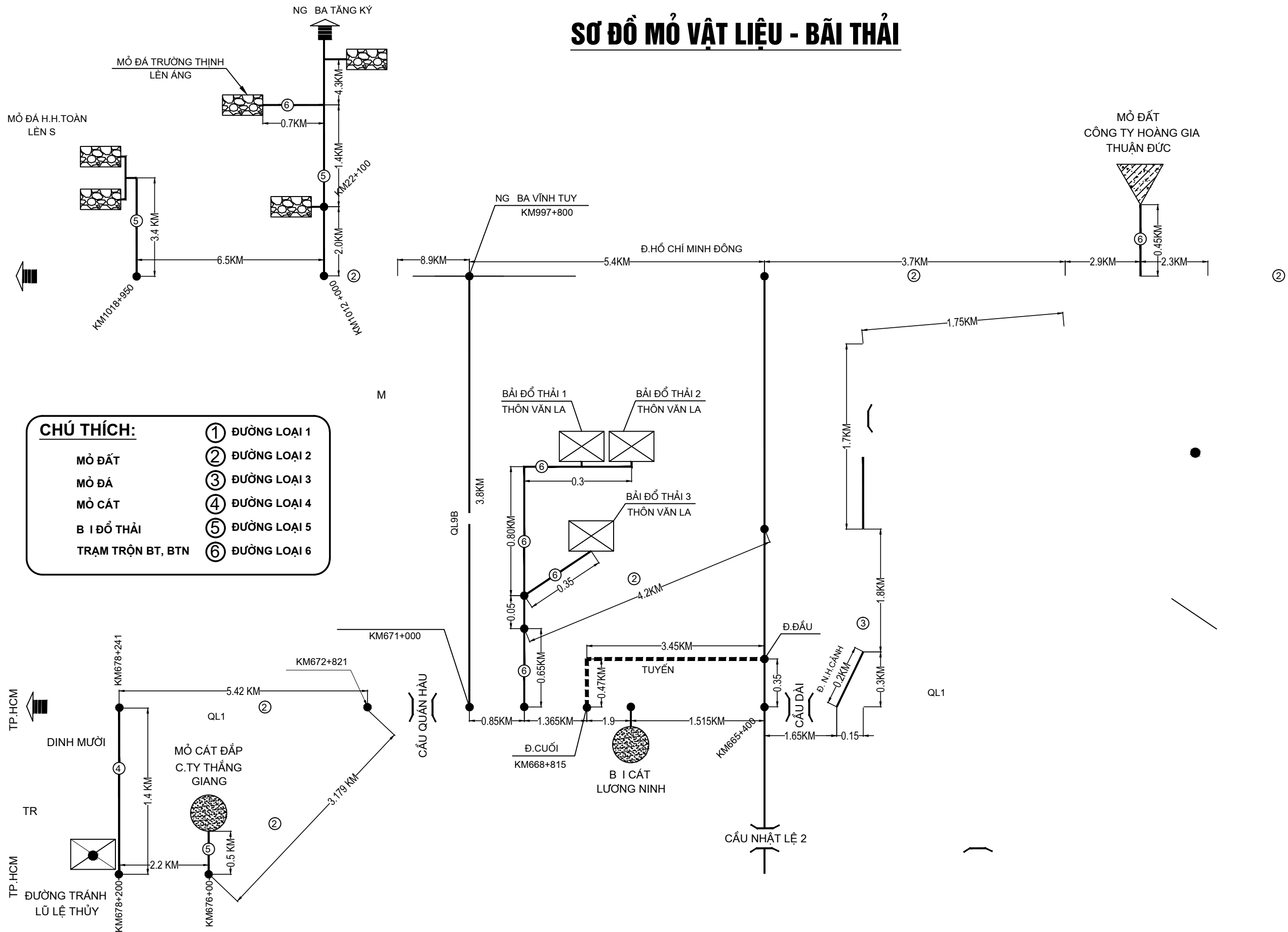
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục

e. Giám sát công tác ứng phó với sự cố khẩn cấp:

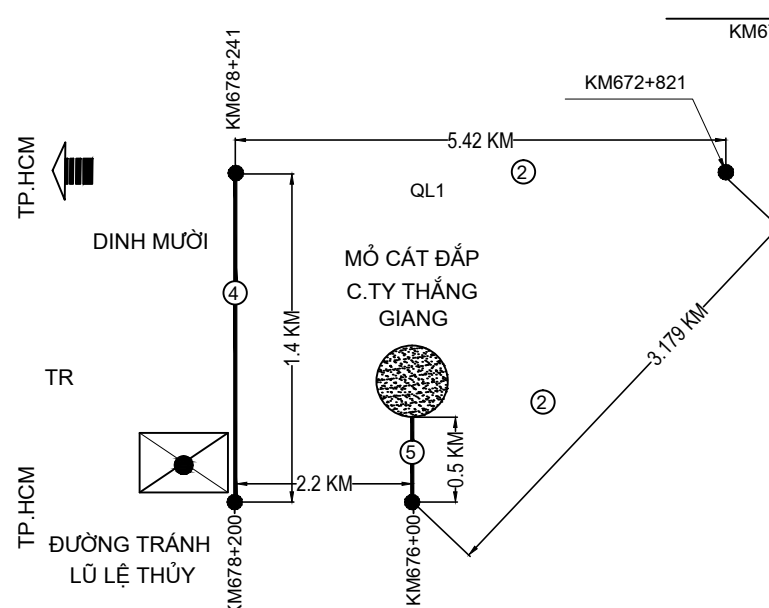
- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án và lân cận.

- Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo báo cáo ĐTM được phê duyệt.

SƠ ĐỒ MỎ VẬT LIỆ - BÃI THẢI



- CHÚ THÍCH:**
- ① ĐƯỜNG LOẠI 1
 - ② ĐƯỜNG LOẠI 2
 - ③ ĐƯỜNG LOẠI 3
 - ④ ĐƯỜNG LOẠI 4
 - ⑤ ĐƯỜNG LOẠI 5
 - ⑥ ĐƯỜNG LOẠI 6
- MỎ ĐẤT
 - MỎ ĐÁ
 - MỎ CÁT
 - B I ĐỔ THẢI
 - TRẠM TRỘN BT, BTN



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG PHÚ HẢI - LƯƠNG NINH
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
ĐỊA ĐIỂM: TP. ĐỒNG HỚI, HUYỆN QUẢNG NINH - TỈNH QUẢNG BÌNH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN MẠNH THẮNG
THỰC HIỆN	LƯU HỒNG PHONG
CHỦ TRÌ KSĐC	LÊ THUẬN KIẾN
P. TN ĐCCT & VLXD	LÊ THUẬN KIẾN

ĐỒNG HỚI, NGÀY THÁNG NĂM 2021
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MẠNH THẮNG

SƠ ĐỒ MỎ VẬT LIỆ - BÃI THẢI

TỶ LỆ BẢN VẼ: DẪ GHI	BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN:	MÃ SỐ SẢN PHẨM: TVGTQB-2021
LẦN CHỈNH SỬA:	

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

BIÊN BẢN

KIỂM TRA VỊ TRÍ BÀI TẬP KẾT VẬT LIỆU KHÔNG THÍCH HỢP

DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG PHÚ HẢI - LƯƠNG NINH

ĐỊA ĐIỂM: THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

1. Thành phần tham gia:

1.1. Đại diện Chủ đầu tư: Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình - Ban QLDA BIIG2 tỉnh Quảng Bình..

- Ông: Chức vụ:

- Ông: Võ Văn Hưng Chức vụ:

1.2. Đại diện nhà thầu khảo sát: Công ty CP TVXD giao thông Quảng Bình.

- Ông: Hoàng Khánh Lâm Chức vụ: P.Giám đốc công ty.

- Ông: Lưu Hồng Phong Chức vụ: Cán bộ khảo sát.

1.3. Đại diện chính quyền địa phương: UBND xã Lương Ninh.....

- Ông: Lê Văn Tâm Chức vụ: Chủ tịch.....

- Ông: Phan Đức Đức Chức vụ: Địa chính.....

2. Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu: ngày 10 tháng 11 năm 2021

Kết thúc: ngày 10 tháng 11 năm 2021

Tại: Thị trấn UBND xã Lương Ninh.....

3. Nội dung kiểm tra:

3.1. Tài liệu làm căn cứ thực hiện:

- Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-KHĐT ngày 05/8/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Nhiệm vụ và đề cương, dự toán Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh;

- Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-KHĐT ngày 06/10/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số TV02: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thuộc dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh;

- Căn cứ Hợp đồng số 50/2021/HĐTV-TV02 ngày 06/10/2021 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình và Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Quảng Bình - Công ty cổ phần đầu tư QBC;

- Các văn bản có liên quan;

3.2. Kết quả kiểm tra:

- Tên bãi: Bãi đò - thau? tại thôn Văn La.....

- Về thể tích bãi: Lớn.....


- Về cự ly đến công trình hoặc hạng mục công trình: Tổng cự ly: 3,165 Km;
Trong đó:

- + Đường loại 2 : 1,365 Km (Từ đến.....);
- + Đường loại 6 : 1,8 Km (Từ đến.....);
- + Đường loại : Km (Từ đến.....);
- + Đường loại : Km (Từ đến.....);
- + Đường loại : Km (Từ đến.....);
- + Đường loại : Km (Từ đến.....);

4. Các nội dung khác: Hiệp tại trụ địa bàn chủ quy hoạch bãi đỗ thời cho các công trình, nhưng để tránh việc các công trình trên địa bàn chủ quy hoạch xa đi ý để đi thời phía bắc của trụ phụ tại Lộ 10 (đầu Nam Trung Kiên) chỉ từ các công trình chủ quy hoạch đi thời em khu vực trụ địa bàn xã, thôn Văn La.

Các bên tham gia kiểm tra cùng thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Vo^v Doan Hung



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Khánh Lâm

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG




Lê Văn Tam

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3367/SXD-ĐTHT&KTXD
Về việc thông báo Kết quả thẩm định
báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây
dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải -
Lương Ninh

Quảng Bình, ngày 24 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 3367/KHĐT-DA ngày 29/11/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Chủ đầu tư) kèm hồ sơ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu khu vực phía Nam thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 3100/SXD-ĐTHT&KTXD ngày 06/12/2021 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh tổng mặt bằng để thực hiện Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh;

Căn cứ Công văn số 90/BC-PA ngày 29/11/2021 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Phong An về Kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh;

Căn cứ Công văn số 3501/SGTVT-CLCT ngày 08/12/2021 của Sở Giao thông Vận tải về việc thông báo kết quả Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Hạng mục Cầu Km1+507,61 thuộc dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh, huyện Quảng Trạch,

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

- 1. Tên dự án:** Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh.
- 2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:** Dự án nhóm B, công trình giao thông (đường đô thị), cấp III.
- 3. Cấp quyết định đầu tư dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

4. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Địa điểm xây dựng: Thành phố Đồng Hới và huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*).

7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn đầu tư công trung hạn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2025.

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: (*Có Phụ lục kèm theo*)

10. Nhà thầu khảo sát lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình.

11. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Phong An.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu khu vực phía Nam thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 3100/SXD-ĐTHT&KTXD ngày 06/12/2021 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh tổng mặt bằng để thực hiện Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh.

- Công văn số 90/BC-PA ngày 29/11/2021 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Phong An về Kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh.

- Công văn số 3501/SGTVT-CLCT ngày 08/12/2021 của Sở Giao thông Vận tải về việc thông báo kết quả Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Hạng mục Cầu Km1+507,61 thuộc dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh, huyện Quảng Trạch.

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế:

- Hồ sơ khảo sát, lập BCKTKT đã được chủ đầu tư nghiệm thu.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở (bản vẽ và thuyết minh).

- Hồ sơ tổng mức đầu tư.

- Các hồ sơ, tài liệu liên quan.

3. Hồ sơ năng lực nhà thầu: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của các nhà thầu:

- Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Quảng Bình; mã số chứng chỉ: QUB-00010244 (Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-SXD ngày 14/3/2018 của Sở Xây dựng Quảng Bình).

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Phong An; mã số chứng chỉ: QUB-00010251 (Ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-SXD ngày 23/3/2018; Quyết định số 2571/QĐ-SXD ngày 11/7/2018; Quyết định số 17/QĐ-

SXD ngày 03/01/2019; Quyết định số 240/QĐ-SXD ngày 17/01/2019 và Quyết định số 1516/QĐ-SXD ngày 14/5/2019 của Sở Xây dựng Quảng Bình).

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Mục tiêu đầu tư:

Hình thành tuyến đường chính kết nối liên vùng Nam Đồng Hới – Bắc Quảng Ninh, tạo tiền đề để phát triển hạ tầng các khu đô thị, dân cư, khu dịch vụ thương mại, khu công viên cảnh quan đã được quy hoạch; từng bước nâng cấp đô thị; góp phần giảm tải lưu lượng giao thông trên tuyến Quốc lộ 1.

2. Quy mô đầu tư:

2.1. Phần tuyến:

- Xây dựng tuyến đường có tổng chiều dài $L = 3.565,19\text{m}$ (riêng đoạn tuyến từ $\text{Km}0+338,11$ đến $\text{Km}0+690,33$ ($L=352,22\text{m}$) thuộc dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lê Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới), điểm đầu giao với đường 36m nối từ Cầu Nhật Lệ 2 đi đường tránh thành phố Đồng Hới, điểm cuối đầu nối với Quốc lộ 1 thuộc địa phận xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh. Quy mô mặt cắt ngang tuyến đường gồm các đoạn như sau:

+ Đoạn từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+338,11$: Mặt cắt ngang rộng $B = 23,5\text{m}$.

+ Đoạn từ $\text{Km}0+690,33$ đến $\text{Km}1+346,04$: Mặt cắt ngang rộng $B = 18,0\text{m}$.

+ Đoạn từ $\text{Km}1+346,04$ đến $\text{Km}1+475,01$: Mặt cắt ngang rộng $B = 15,0\text{m}$.

+ Đoạn từ $\text{Km}1+475,01$ đến $\text{Km}1+562,09$: Mặt cắt ngang rộng $B = 19,0\text{m}$.

+ Đoạn từ $\text{Km}1+562,09$ đến $\text{Km}3+445,99$: Mặt cắt ngang rộng $B = 25,0\text{m}$.

+ Đoạn mở rộng, từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+471,42$: Mặt cắt ngang rộng $B = 9,0\text{m}$.

- Xây dựng hệ thống công thoát nước dọc theo quy hoạch và các công thoát nước địa hình phù hợp với hiện trạng, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước khu vực dọc tuyến và các khu vực lân cận.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng theo quy hoạch.

2.2. Phần Cầu trên tuyến:

- Xây dựng mới 01 cầu tại lý trình $\text{Km}1+507,61$; kết cấu cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DUỖ, chiều dài cầu $L_{\text{cầu}} = 33,10\text{m}$. Tải trọng thiết kế HL-93; người đi bộ $3,0\text{KN/m}^2$. Bề rộng toàn cầu $B_{\text{cầu}} = 19,0\text{m}$, khổ cầu $K_{\text{cầu}} = 13,0\text{m}$, lề bộ hành khác mức mỗi bên rộng $Bl_{\text{è}} = 2,75\text{m}$, gờ lan can $2 \times 0,25 = 0,5\text{m}$.

- Đường hai đầu cầu thiết kế theo quy hoạch được duyệt: Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 25,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 13,0\text{m}$; Bề rộng lề đường mỗi phía $Bl_{\text{è}} = 6,0\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm.

3. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Phần tuyến:

a) Bình đồ: Thực hiện theo quy hoạch và thỏa thuận quy hoạch, tổng chiều dài $L = 3.565,19\text{m}$.

b) Trắc dọc: Cao độ tim đường thực hiện theo quy hoạch và thỏa thuận quy hoạch.

c) Mặt cắt ngang:

- Đoạn từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+338,11$ (bề rộng nền đường $B = 23,5\text{m}$): $B_n =$

$11,5m + 2 \times 6m = 23,5m$.

- Đoạn từ Km0+690,33 đến Km1+346,04 (bề rộng nền đường B= 18,0m): $B_n = 10,0m + 2 \times 4m = 18,0m$.

- Đoạn từ Km1+346,04 đến Km1+475,01 (bề rộng nền đường B= 15,0m): $B_n = 7,5m + 2 \times 3,75m = 15,0m$.

- Đoạn từ Km1+475,01 đến Km1+562,09 (bề rộng nền đường B= 19,0m): $B_n = 13,0m + 2 \times 3m = 19,0m$.

- Đoạn từ Km1+562,09 đến Km3+445,99 (bề rộng nền đường B= 25,0m): $B_n = 13,0m + 2 \times 6m = 25,0m$.

- Đoạn mở rộng, từ Km0+0,00 đến Km0+471,42 (bề rộng nền đường B= 9,0m): $B_n = 7,0m + 2 \times 1m = 9,0m$. (theo quy hoạch tuyến có bề rộng 36m, giai đoạn này chỉ thiết kế nâng cấp, mở rộng tuyến đường hiện trạng, bề rộng nền đường B= 9,0m).

- Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$; độ dốc ngang lề đường $i=5\%$.

- Mái ta luy nền đào 1/1,0; mái taluy nền đắp 1/1,5.

d) Mặt đường: mặt đường thảm nhựa, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130Mpa$, kết cấu áo đường các lớp theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

* Đối với đoạn từ Km0+0,00 đến Km3+445,99 (kết cấu 1):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1,0kg/m^2$.

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Lớp đất cấp phối đòi chọn lọc lu lèn $K \geq 98$, dày 50cm.

* Đối với đoạn mở rộng, từ Km0+0,00 đến Km0+471,42:

+ Kết cấu 1 (áp dụng cho các đoạn làm mới và cập mở rộng):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1,0kg/m^2$.

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Lớp đất cấp phối đòi chọn lọc lu lèn $K \geq 98$, dày 50cm.

+ Kết cấu 2 (áp dụng cho đoạn trên mặt đường hiện trạng, Hđắp < 15cm):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa $0,5kg/m^2$.

- Bùn vênh bê tông nhựa chặt dày trung bình 5cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa $0,5kg/m^2$.

+ Kết cấu 3 (áp dụng cho đoạn trên mặt đường hiện trạng, $15cm \leq H_{đắp} < 27cm$):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1,0kg/m^2$.

- Bùn vênh cấp phối đá dăm loại 1 dày trung bình 15cm.

e) Nền đường, lề đường: Đắp bằng đất cấp phối đòi lu lèn $K \geq 95$. Trước khi đắp đào thay lớp đất không thích hợp dày từ $0,5 \div 1,5m$, đắp trả bằng cát lu lèn $K \geq 90$.

Đối với đoạn đi qua khu vực có địa chất yếu, nền đất được xử lý bằng phương pháp giằng cát.

g) Bó vỉa, đan rãnh: Làm bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn.

h) An toàn giao thông: Bố trí vượt nổi các nút giao cùng mức đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, êm thuận, đảm bảo tầm nhìn. Biển báo an toàn giao thông được thiết kế và lắp đặt tuân thủ theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2019/BGTVT.

i) Công thoát nước ngang:

- Xây dựng các công ngang thoát nước địa hình và công hộp kỹ thuật, bao gồm: 06 công hộp kích thước (1,0x1,0)m; 12 công hộp và công kỹ thuật kích thước (1,5x1,5)m; 01 công hộp kích thước 2x(3,0x3,0)m.

- Kết cấu công:

+ Công hộp kích thước 2x(3,0x3,0)m: Thân công bằng BTCT M350 đá 1x2 đổ tại chỗ. Tường cánh, sân công, chân khay làm bằng BTCT M250 đá 1x2. Dưới thân công lót bê tông M100 dày 10cm trên lớp đá dăm đệm dày 15cm. Phía trước sân công gia cố bằng bê tông M150 đá 2x4. Bản giảm tải bằng BTCT M300 đá 1x2 đúc sẵn.

+ Công hộp kích thước (1,0x1,0)m và (1,5x1,5)m: Ống công bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn. Tường đầu, tường cánh, móng công, sân công, chân khay bằng BTXM M150 đá 1x2.

k) Hệ thống thoát nước dọc: Các tuyến công sử dụng ống công ly tâm, đường kính công dọc gồm các loại: D600, D800, D1000 và D1500, đường kính công ngang D400. Các đoạn công đi trên vỉa hè dùng loại công 1 lớp thép (cấp tải trọng H13), các công đi qua đường dùng công 2 lớp thép (cấp tải trọng H30). Hồ ga, giếng thu làm bằng BTCT M250 đá 1x2. Nắp đậy hồ ga và lưới chắn rác sử dụng vật liệu composite. Cửa xả làm bằng bê tông M150 đá 2x4.

l) Điện chiếu sáng:

Nguồn điện chiếu sáng được đấu nối từ hệ thống điện hiện có dọc tuyến. Bố trí 02 tủ điện điều khiển chiếu sáng, kiểu tủ treo trên cột đặt ngoài trời.

Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột thép mạ kẽm, gắn cần đèn đơn. Bóng đèn sử dụng loại bóng đèn LED có công suất 120W và 160W. Dây dẫn sử dụng loại cáp đồng đi ngầm có tiết diện (3x25+1x16)mm² và (3x16+1x10)mm² tùy theo phụ tải. Móng cột đổ bê tông M200 đá 1x2. Bố trí hệ thống tiếp địa cho các cột đèn và tủ điện chiếu sáng.

3.2. Phần cầu trên tuyến:

- *Kết cấu phần trên:* Cầu gồm 01 nhịp giản đơn, chiều dài nhịp L=24,0m; kết cấu dạng dầm bản rộng BTCT DUL 40Mpa kéo trước, mặt cắt ngang cầu bố trí 19 phiến dầm, liên kết ngang các dầm bằng DUL kéo sau; bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 18cm; lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C12,5 dày 6cm trên lớp phòng nước dạng phun. Gối cầu bằng cao su bản thép. Lan can tay vịn bằng hợp kim nhôm. Khe co giãn bằng thép dạng răng lược. Thoát nước mặt cầu bằng ống thép D=110mm. Lề cầu thiết kế khác mức bằng BTCT và lát gạch Granito, dưới bố trí hệ thống điện, nước, cáp thông tin và các hạ tầng trong đô thị.

- *Kết cấu phần dưới*: Hai mô cầu dạng tường mỏng bằng BTCT 30Mpa, bệ mô được đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi BTCT 30Mpa đường kính $D=1,0\text{m}$, chiều dài cọc dự kiến $35,0\text{m}$. Chuyển tiếp đường vào cầu bố trí bản giảm tải bằng BTCT 25Mpa, lãng thể sau mô đắp đá dăm trộn cát $K\geq 0,98$ và đất cấp phối $K\geq 0,95$.

- *Đường hai đầu cầu*: Vuốt nối phù hợp tại 02 nút giao đầu cầu với Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}}= 25,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}= 13,0\text{m}$; Bề rộng lề đường mỗi phía $B_{\text{lề}}= 6,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2,0\%$; độ dốc mái taluy nền đắp $1/1,5$, mái taluy nền nền đào $1/1,0$. Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa C19 trên lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 20cm và lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25cm . Nền đường được xử lý đất yếu bằng giếng cát $D40\text{cm}$ với khoảng cách $1,8\text{m}$, lót vải địa kỹ thuật và đắp cát $K\geq 0,90$. Nền đường đắp đất cấp phối $K\geq 0,95$, riêng lớp đáy khuôn đường dày 50cm đắp cấp phối chọn lọc $K\geq 0,98$.

- *An toàn giao thông*: Hệ thống hộ lan, biển báo an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng, thẩm tra thiết kế: Đảm bảo theo quy định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng: Hồ sơ thiết kế cơ sở được lập phù hợp với hồ sơ quy hoạch được phê duyệt và hồ sơ thỏa thuận quy hoạch được chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được phê duyệt: Hồ sơ Dự án tuân thủ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực: Thiết kế cơ sở dự án đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường: Đảm bảo theo yêu cầu.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Đảm bảo tuân thủ.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định tổng mức đầu tư xây dựng:

7. 1. Căn cứ thẩm định:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;
- Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;
- Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;
- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;
- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;
- Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định cước vận tải hàng hóa bằng phương tiện ô tô áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về việc Công bố Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Quảng Bình;
- Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về việc Công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Quảng Bình;
- Công bố giá vật liệu xây dựng tháng 11 năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tại Văn bản số 3144/CBG-SXD ngày 10/12/2021 của Sở Xây dựng;
- Biên bản xác định cự ly, cấp đường, vị trí bãi thải, vị trí các mỏ vật liệu do Chủ đầu tư cung cấp.

7.2. Kết quả thẩm định:

- a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định tổng mức đầu tư xây dựng: Đầy đủ, hợp lệ.
- b) Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng: Phù hợp.
- c) Sự phù hợp của nội dung tổng mức đầu tư xây dựng với các nội dung và yêu cầu của dự án: Phù hợp.

- Tổng mức đầu tư được lập căn cứ trên các tài liệu về địa chất, địa hình, vị trí các mỏ vật liệu, vị trí bãi thải, vị trí bãi trữ tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước...do Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế xác định. Vì vậy, trong quá trình

thực hiện dự án, đề nghị Chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh hợp lý để tiết kiệm chi phí và đảm bảo chất lượng công trình.

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình:

- Cơ bản tuân thủ.

- Đối với tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước: Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu các quy định của pháp luật (trong đó có Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác) để thực hiện việc bảo vệ và sử dụng theo quy định.

đ) Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng hoặc quy mô, công suất, năng lực phục vụ tính toán trong tổng mức đầu tư xây dựng so với thiết kế cơ sở của dự án: Phù hợp.

e) Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng (sau thuế): **150.000.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)

Trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Dự toán Chủ đầu tư trình	Dự toán Sở Xây dựng thẩm định	Tăng (+), Giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (tạm tính theo giá trị của Chủ đầu tư, Sở Xây dựng không thẩm định chi phí này)	25.240.000.000	25.240.000.000	0
2	Chi phí xây dựng	107.019.128.000	105.169.910.000	-1.849.218.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.750.249.000	1.737.216.000	-13.033.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	5.994.664.000	5.967.383.000	-27.281.000
5	Chi phí khác	4.250.443.000	4.396.112.000	145.669.000
6	Chi phí dự phòng	5.745.516.000	7.489.379.000	1.743.863.000
	Tổng cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	0

f) Phân tích nguyên nhân tăng, giảm:

- Cập nhật các chế độ, chính sách, giá vật liệu xây dựng theo quy định tại thời điểm ban hành thông báo kết quả thẩm định (tháng 12 năm 2021).

- Cập nhật khối lượng trong Tổng mức đầu tư theo khối lượng trong bản vẽ thiết kế.

- Chính sửa một số sai số số học trong quá trình thẩm định.

- Điều chỉnh tỉ lệ chi phí dự phòng phù hợp theo quy định hiện hành.

g) Đánh giá việc bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án: Bảo đảm hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

- Kết luận: Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh đủ điều kiện để Chủ đầu tư thực hiện các công việc tiếp theo.

- Kiến nghị: Quá trình triển khai, Chủ đầu tư lưu ý các nội dung sau: Nghiên cứu, tính toán thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đảm bảo: tối ưu về kinh tế, kỹ thuật trên tất cả các mặt (hình thức; quy mô; kết cấu công trình, biện pháp thi công công trình,...); Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch có liên quan; Khớp nối đồng bộ với các hệ thống hạ tầng trong khu vực; Đảm bảo không trùng lặp với các dự án khác, nâng cao hiệu quả sử dụng công trình và hiệu quả đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở GTVT;
- Lưu: VT, ĐTHT&KTXD.



GIÁM ĐỐC

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN ÁP DỤNG

Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh

(Kèm theo Công văn số: 3367/SXD-ĐTHT&KTXD ngày 24/12/2021 của Sở Xây dựng)

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Tiêu chuẩn khảo sát	
1	Quy phạm đo vẽ bản đồ Địa hình tỉ lệ 1/500 - 1/5000	96-TCN 43-90
2	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
4	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 9398 :2012
7	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263-2000
5	Đường ô tô - tiêu chuẩn khảo sát	TCCS31:2020/TCĐBVN
6	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế	22TCN 262-2000
7	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
8	Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế biện pháp ổn định nền đường và vùng hoạt động sụt trượt lở	22TCN 171-87
II	Tiêu chuẩn thiết kế	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2016/BXD
2	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
3	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCXDVN 104-2007
4	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	22TCN 211-06
5	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
6	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
7	Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	QĐ số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012
8	Quy định tạm thời về các giải pháp kỹ thuật công nghệ đối với đoạn đường chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống) trên đường ô tô của Bộ GTVT	QĐ số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013
9	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế	22TCN 262-2000
10	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823-2017
11	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:1995
12	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957:2008
13	Công tròn bê tông cốt thép lắp ghép - yêu cầu kỹ thuật	22 TCN 159-96
14	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113-2012
15	Công hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116-2012
16	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
17	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
18	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết	TCVN 5573:1991

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
	kế	
19	Móng cọc, tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
20	Cọc khoan nhồi, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
21	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012

Lưu ý:

- Đối với các tiêu chuẩn có mã hiệu TCN, TCXD, Quy định tạm thời, hiện nay đang được chuyển đổi sang tiêu chuẩn TCVN.

- Khi áp dụng các tiêu chuẩn phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không pha trộn tiêu chuẩn có cùng phạm vi áp dụng nhưng khác biệt về phương pháp và triết lý thiết kế cho cùng một công trình hoặc bộ phận kết cấu công trình.

- Trong quá trình áp dụng các tiêu chuẩn này, các đơn vị liên quan nếu có các điều khoản nào chưa phù hợp, có sự chông chéo giữa các tiêu chuẩn phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư và các đơn vị có trách nhiệm cập nhật điều chỉnh để đảm bảo theo các quy định hiện hành./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **H629/QĐ-UBND**

Quảng Bình, ngày **30** tháng **12** năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án
Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phân khu vực phía Nam thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình kèm Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh số 3800/KHĐT-TĐ ngày 24/12/2021, kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số 3367/SXD-ĐTHT&KTXD ngày 24/12/2021 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

3. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

4. Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư xây dựng dự án Tuyến đường Phú Hải Lương Ninh góp phần hình thành tuyến đường chính kết nối liên vùng Nam Đồng Hới - Bắc Quảng Ninh, tạo tiền đề để phát triển hạ tầng khu đô thị, khu dân cư, khu dịch vụ thương mại, khu công viên cảnh quan đã được quy hoạch. Từng bước nâng cấp đô thị, góp phần giảm tải lưu lượng giao thông trên tuyến Quốc lộ 1.

5. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh phù hợp với quy hoạch phân khu vực phía Nam thành phố Đồng Hới được phê duyệt và điều chỉnh cục bộ cao độ quy hoạch khu vực cầu qua kênh để đảm bảo thoát lũ khu vực, đã được Sở Xây dựng thỏa thuận tổng mặt bằng tại Công văn số 3100/SXD-ĐTHT&KTXD ngày 06/12/2021; với quy mô như sau:

Handwritten mark

Handwritten mark

5.1. Phân tuyến:

- Xây dựng tuyến đường có tổng chiều dài $L = 3.565,19\text{m}$ (riêng đoạn tuyến từ $\text{Km}0+338,11$ đến $\text{Km}0+690,33$ ($L=352,22\text{m}$) thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lê Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới), điểm đầu giao với đường 36m nối từ Cầu Nhật Lệ 2 đi đường tránh thành phố Đồng Hới, điểm cuối đầu nối với Quốc lộ 1 thuộc địa phận xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh.

Quy mô mặt cắt ngang tuyến đường gồm các đoạn như sau:

- + Đoạn từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+338,11$: Mặt cắt ngang rộng $B = 23,5\text{m}$.
- + Đoạn từ $\text{Km}0+690,33$ đến $\text{Km}1+346,04$: Mặt cắt ngang rộng $B = 18,0\text{m}$.
- + Đoạn từ $\text{Km}1+346,04$ đến $\text{Km}1+475,01$: Mặt cắt ngang rộng $B = 15,0\text{m}$.
- + Đoạn từ $\text{Km}1+475,01$ đến $\text{Km}1+562,09$: Mặt cắt ngang rộng $B = 19,0\text{m}$.
- + Đoạn từ $\text{Km}1+562,09$ đến $\text{Km}3+445,99$: Mặt cắt ngang rộng $B = 25,0\text{m}$.
- + Đoạn mở rộng, từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+471,42$: Mặt cắt ngang rộng $B = 9,0\text{m}$.

- Xây dựng hệ thống công thoát nước dọc theo quy hoạch.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng theo quy hoạch.

5.2. Phân Cầu trên tuyến:

- Xây dựng mới 01 cầu tại lý trình $\text{Km}1+507,61$; kết cấu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DU_L, chiều dài cầu $L_{\text{cầu}} = 33,10\text{m}$. Tải trọng thiết kế HL-93; người đi bộ 3,0 KN/m². Bề rộng toàn cầu $B_{\text{cầu}} = 19,0\text{m}$, khổ cầu $K_{\text{cầu}} = 13,0\text{m}$, lề bộ hành khác mức mỗi bên rộng $B_{\text{lề}} = 2,75\text{m}$, gờ lan can $2 \times 0,25 = 0,5\text{m}$.

- Đường hai đầu cầu thiết kế theo quy hoạch được duyệt: Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 25,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 13,0\text{m}$; Bề rộng lề đường mỗi phía $B_{\text{lề}} = 6,0\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm.

6. Giải pháp kỹ thuật:

6.1. Phân tuyến:

6.1.1. Bình đồ: Thực hiện theo quy hoạch và thỏa thuận quy hoạch, tổng chiều dài $L = 3.565,19\text{m}$.

6.1.2. Trắc dọc: Cao độ tim đường thực hiện theo quy hoạch và thỏa thuận quy hoạch.

6.1.3. Mặt cắt ngang:

- Đoạn từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+338,11$ (bề rộng nền đường $B = 23,5\text{m}$): $B_n = 11,5\text{m} + 2 \times 6\text{m} = 23,5\text{m}$.

- Đoạn từ $\text{Km}0+690,33$ đến $\text{Km}1+346,04$ (bề rộng nền đường $B = 18,0\text{m}$): $B_n = 10,0\text{m} + 2 \times 4\text{m} = 18,0\text{m}$.

- Đoạn từ $\text{Km}1+346,04$ đến $\text{Km}1+475,01$ (bề rộng nền đường $B = 15,0\text{m}$): $B_n = 7,5\text{m} + 2 \times 3,75\text{m} = 15,0\text{m}$.

- Đoạn từ $\text{Km}1+475,01$ đến $\text{Km}1+562,09$ (bề rộng nền đường $B = 19,0\text{m}$): $B_n = 13,0\text{m} + 2 \times 3\text{m} = 19,0\text{m}$.

- Đoạn từ $\text{Km}1+562,09$ đến $\text{Km}3+445,99$ (bề rộng nền đường $B = 25,0\text{m}$): $B_n = 13,0\text{m} + 2 \times 6\text{m} = 25,0\text{m}$.

+ Đoạn mở rộng, từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}0+471,42$ (bề rộng nền đường $B = 9,0\text{m}$): $B_n = 7,0\text{m} + 2 \times 1\text{m} = 9,0\text{m}$. (theo quy hoạch tuyến có bề rộng 36m, giai đoạn này chỉ nâng cấp, mở rộng tuyến đường hiện trạng, bề rộng nền đường $B = 9,0\text{m}$ phù hợp với quy hoạch được phê duyệt).

- Độ dốc ngang mặt đường $i = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i = 5\%$.

- Độ dốc mái ta luy nền đào 1/1,0; mái taluy nền đắp 1/1,5.

6.1.4. Mặt đường: Mặt đường thảm nhựa, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$, kết cấu áo đường các lớp theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

* Đối với đoạn từ $\text{Km}0+0,00$ đến $\text{Km}3+445,99$ (kết cấu 1):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m².

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Lớp đất cấp phối đồi chọn lọc lu lèn $K \geq 98$, dày 50cm.

* Đối với đoạn mở rộng, từ Km0+0,00 đến Km0+471,42:

+ Kết cấu 1 (áp dụng cho các đoạn làm mới và cấp mở rộng):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m².

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Lớp đất cấp phối đồi chọn lọc lu lèn $K \geq 98$, dày 50cm.

+ Kết cấu 2 (áp dụng cho đoạn trên mặt đường hiện trạng, $H_{đắp} < 15\text{cm}$):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m².

- Bù vênh bê tông nhựa chặt dày trung bình 5cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m².

+ Kết cấu 3 (áp dụng cho đoạn trên mặt đường hiện trạng, $15\text{cm} \leq H_{đắp} < 27\text{cm}$):

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m².

- Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 dày trung bình 15cm.

6.1.5. *Nền đường, lề đường*: Đắp bằng đất cấp phối đồi lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$. Trước khi đắp, đào thay lớp đất không thích hợp dày từ 0,5÷1,5m, đắp trả bằng cát lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,90$. Đối với đoạn đi qua khu vực có địa chất yếu, nền đất được xử lý bằng phương pháp giằng cát.

6.1.6. *Bó vỉa, đan rãnh*: Làm bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn.

6.1.7. *Cống thoát nước ngang*:

- Xây dựng các cống ngang thoát nước địa hình (phục vụ nuôi trồng thủy sản, khả năng tiêu thoát nước chống ngập úng khu vực dọc hai bên tuyến trong giai đoạn này) và cống hộp kỹ thuật, bao gồm: 06 cống hộp kích thước (1,0x1,0)m; 12 cống hộp và cống kỹ thuật kích thước (1,5x1,5)m; 01 cống hộp kích thước 2x(3,0x3,0)m.

- Kết cấu cống:

+ Cống hộp kích thước 2x(3,0x3,0)m: Thân cống bằng BTCT M350 đá 1x2 đổ tại chỗ. Tường cánh, sân cống, chân khay làm bằng BTCT M250 đá 1x2. Dưới thân cống lót bê tông M100 dày 10cm trên lớp đá dăm đệm dày 15cm. Phía trước sân cống gia cố bằng bê tông M150 đá 2x4. Bản giảm tải bằng BTCT M300 đá 1x2 đúc sẵn.

+ Cống hộp kích thước (1,0x1,0)m và (1,5x1,5)m: Ống cống bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn. Tường đầu, tường cánh, móng cống, sân cống, chân khay bằng BTXM M150 đá 1x2.

6.1.8. *Hệ thống thoát nước dọc*: Các tuyến cống sử dụng ống cống ly tâm, đường kính cống dọc gồm các loại: D600, D800, D1000 và D1500, đường kính cống ngang D400. Các đoạn cống đi trên vỉa hè dùng loại cống 1 lớp thép (cấp tải trọng H13), các cống đi qua đường dùng cống 2 lớp thép (cấp tải trọng H30). Hồ ga, giếng thu làm bằng BTCT M250 đá 1x2. Nắp đậy hồ ga và lưới chắn rác sử dụng vật liệu composite. Cửa xả làm bằng bê tông M150 đá 2x4.

6.1.9. *Điện chiếu sáng*: Bố trí hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến đường theo quy hoạch đoạn từ Km0 - Km1+800.

- Nguồn điện chiếu sáng được đấu nối từ hệ thống điện hiện có dọc tuyến. Bố trí 02 tủ điện điều khiển chiếu sáng, kiểu tủ treo trên cột đặt ngoài trời.

- Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột thép mạ kẽm, gắn cần đèn đơn. Bóng đèn sử dụng loại bóng đèn LED có công suất 120W và 160W. Dây dẫn sử dụng loại cáp đồng đi

ngâm có tiết diện $(3 \times 25 + 1 \times 16) \text{mm}^2$ và $(3 \times 16 + 1 \times 10) \text{mm}^2$ tùy theo phụ tải. Móng cột đổ bê tông M200 đá 1x2. Bố trí hệ thống tiếp địa cho các cột đèn và tủ điện chiếu sáng.

6.1.10. An toàn giao thông: Bố trí vượt nổi các nút giao cùng mức đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, êm thuận, đảm bảo tầm nhìn. Biển báo an toàn giao thông được thiết kế và lắp đặt tuân thủ theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2019/BGTVT.

6.2. Phần cầu trên tuyến: Xây dựng mới 01 cầu tại Km1+507,61.

- **Kết cấu phần trên:** Cầu gồm 01 nhịp giản đơn, chiều dài nhịp $L=24,0\text{m}$; kết cấu dạng dầm bản rộng BTCT DUL 40Mpa kéo trước, mặt cắt ngang cầu bố trí 19 phiến dầm, liên kết ngang các dầm bằng DUL kéo sau; bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 18cm; lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C12,5 dày 6cm trên lớp phòng nước dạng phun. Gối cầu bằng cao su bản thép. Lan can tay vịn bằng hợp kim nhôm. Khe co giãn bằng thép dạng răng lược. Thoát nước mặt cầu bằng ống thép $D=110\text{mm}$. Lề cầu thiết kế khác mức bằng BTCT và lát gạch Granito, dưới bố trí hệ thống điện, nước, cáp thông tin và các hạ tầng trong đô thị.

- **Kết cấu phần dưới:** Hai móng cầu dạng tường mỏng bằng BTCT 30Mpa, bộ móng được đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi BTCT 30Mpa đường kính $D=1,0\text{m}$, chiều dài cọc dự kiến 35,0m. Chuyển tiếp đường vào cầu bố trí bản giảm tải bằng BTCT 25Mpa, lãng thể sau móng đắp đá dăm trộn cát $K \geq 0,98$ và đất cấp phối $K \geq 0,95$.

- **Đường hai đầu cầu:** Vượt nổi phù hợp tại 02 nút giao đầu cầu với Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 25,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 13,0\text{m}$; Bề rộng lề đường mỗi phía $B_{\text{lề}} = 6,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}} = 2,0\%$; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, mái taluy nền đào 1/1,0. Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa C19 trên lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 20cm và lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25cm. Nền đường được xử lý đất yếu bằng giếng cát $D40\text{cm}$ với khoảng cách 1,8m, lót vải địa kỹ thuật và đắp cát $K \geq 0,90$. Nền đường đắp đất cấp phối $K \geq 0,95$, riêng lớp đáy khuôn đường dày 50cm đắp cấp phối chọn lọc $K \geq 0,98$.

- **An toàn giao thông:** Hệ thống hộ lan, biển báo an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Giao thông Quảng Bình - Công ty Cổ phần Đầu tư QBC.

8. Địa điểm xây dựng: Thành phố Đồng Hới và huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B, Công trình giao thông (đường đô thị), cấp III.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng:

- Số bước thiết kế: 02 bước;
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Tổng mức đầu tư: 150.000 triệu đồng.

(Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, TĐC: 25.240,000 triệu đồng.
- Chi phí xây dựng: 105.169,910 triệu đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 1.737,216 triệu đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 5.967,383 triệu đồng.
- Chi phí khác: 4.396,112 triệu đồng.
- Chi phí dự phòng: 7.489,379 triệu đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn đầu tư công trung hạn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án (Ban Quản lý dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Trong bước thiết kế tiếp theo, nghiên cứu tính toán: Đảm bảo tối ưu về kinh tế, kỹ thuật trên tất cả các mặt (hình thức, quy mô, kết cấu, biện pháp thi công công trình); Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch có liên quan; Khớp nối đồng bộ với các hệ thống hạ tầng trong khu vực; Đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, không để lãng phí, thất thoát vốn đầu tư, nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Khảo sát, tính toán giảm thiểu ô nhiễm môi trường và các tác động tiêu cực khác tới đời sống dân sinh khu vực; Tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thành phố Đồng Hới, UBND huyện Quảng Ninh thống nhất về khẩu độ, vị trí các công thoát nước địa hình phục vụ nuôi trồng thủy sản, khả năng tiêu thoát nước chống ngập úng khu vực dọc hai bên tuyến trong giai đoạn này phù hợp với quy hoạch để sử dụng sau này, hạn chế đập phá, gây lãng phí.

- Đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng công trình và hiệu quả đầu tư; chịu trách nhiệm hoàn toàn về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

- Thực hiện phù hợp với mức vốn được giao. Triển khai các hạng mục của dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ đã được phê duyệt, hạn chế tối đa việc điều chỉnh, bổ sung dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu, kiến nghị tại Văn bản số 3501/SGTVT-CLCT ngày 08/12/2021 của Sở Giao thông Vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi hạng mục Cầu Km1+507,61 thuộc dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh; Công văn số 3367/SXD-ĐTHT&KTXD ngày 24/12/2021 của Sở Xây dựng về việc báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh và các nội dung khác tại Tờ trình kèm báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định số 3800/KHĐT-TĐ ngày 24/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới và Chủ tịch UBND huyện Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV XDCB.



CHỦ TỊCH

Trần Thắng

PHỤ LỤC
DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN ÁP DỤNG
Dự án Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh

(Kèm theo Quyết định số: *18629* /QĐ-UBND ngày *30* /12/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Tiêu chuẩn khảo sát	
1	Quy phạm đo vẽ bản đồ Địa hình tỉ lệ 1/500 - 1/5000	96-TCN 43-90
2	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
4	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 9398 :2012
5	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263-2000
6	Đường ô tô - tiêu chuẩn khảo sát	TCCS31:2020/TCĐBVN
7	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế	22TCN 262-2000
8	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
9	Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế biện pháp ổn định nền đường và vùng hoạt động sụt trượt lở	22TCN 171-87
II	Tiêu chuẩn thiết kế	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2016/BXD
2	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
3	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCXDVN 104-2007
4	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	22TCN 211-06
5	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
6	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
7	Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	QĐ số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012
8	Quy định tạm thời về các giải pháp kỹ thuật công nghệ đối với đoạn đường chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống) trên đường ô tô của Bộ GTVT	QĐ số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013
9	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế	22TCN 262-2000
10	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823-2017
11	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:1995
12	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957:2008
13	Cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép - yêu cầu kỹ thuật	22 TCN 159-96
14	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113-2012
15	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116-2012
16	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
17	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
18	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:1991
19	Móng cọc, tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
20	Cọc khoan nhồi, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
21	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012

*** Lưu ý:**

- Đối với các tiêu chuẩn có mã hiệu TCN, TCXD, Quy định tạm thời, hiện nay đang được chuyển đổi sang tiêu chuẩn TCVN.

- Khi áp dụng các tiêu chuẩn phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không pha trộn tiêu chuẩn có cùng phạm vi áp dụng nhưng khác biệt về phương pháp và triết lý thiết kế cho cùng một công trình hoặc bộ phận kết cấu công trình.

- Trong quá trình áp dụng các tiêu chuẩn này, các đơn vị liên quan nếu có các điều khoản nào chưa phù hợp, có sự chồng chéo giữa các tiêu chuẩn phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư và các đơn vị có trách nhiệm cập nhật điều chỉnh để đảm bảo theo các quy định hiện hành./.



QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình thực hiện một số nhiệm vụ trong quá trình triển khai Dự án Tuyến đường Phú Hải – Lương Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 02/04/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Ban Quản lý dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-KHĐT ngày 18/04/2018 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 4629/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Tuyến đường Phú Hải – Lương Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình tại văn bản số 09/CV-QLDA ngày 13/01/2022 và của Chánh văn phòng Sở, Trưởng phòng Đấu thầu, Thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình (Ban QLDA BIIG2) thực hiện nhiệm vụ quản lý Dự án Tuyến đường Phú

Hải – Lương Ninh được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 4629/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án)

Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình thực hiện toàn bộ các nội dung quản lý dự án được quy định Điều 66 Luật Xây dựng 2014 và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan (bao gồm cả nội dung tại bước chuẩn bị đầu tư).

Điều 2. Giao Ban QLDA BIIG2 nghiên cứu, đề xuất thực hiện việc giám sát thi công dự án (khi đủ năng lực theo quy định); trường hợp không đủ năng lực báo cáo Chủ đầu tư để lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Ban QLDA BIIG2 Quảng Bình được phép sử dụng con dấu, tài khoản, bộ máy hiện hành để thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng (nếu đủ năng lực theo quy định); phối hợp với Văn phòng Sở rà soát, tham mưu kiện toàn nhân sự đảm bảo đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ được giao (nếu cần thiết).

Kinh phí thực hiện công tác quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng thực hiện theo dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

Ban QLDA BIIG2 căn cứ Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành để triển khai thực hiện; Trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định; Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu VT,



GIÁM ĐỐC

Phan Phong Phú



Số: 10 /TNK - QTMT

No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/2

Page:

- Tên mẫu: Môi trường không khí.
- Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình.
- Mục đích: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
"Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh"
- Vị trí quan trắc: 05
- Ngày nhận mẫu: 02/3/2022
- Kí hiệu: K1-K5
- Ngày phân tích: 02-08/3/2022
- Kết quả:

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả					QCVN 05:2013/BTNMT
				K ₁	K ₂	K ₃	K ₄	K ₅	Giá trị giới hạn (trung bình 1 giờ)
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	23	23	23	23	23	-
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	3.287	3.169	<3.000	<3.000	<3.000	30.000
3	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	45,5	51,3	56,3	31,5	66,2	200
4	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	80,3	15,7	123,3	119,2	79,5	350
5	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	103	69	75	89	88	300

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu/vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí quan trắc:

K₁: Ngã tư giao quốc lộ 1A và đường từ Cầu Nhật Lệ 2 vào điểm đầu Dự án (17°26'54.6"N;106°37'53.4"E)

K₂: Tại điểm đầu tuyến chính của Dự án (17°26'51.9"N;106°37'41.9"E)

K₃: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K₂ khoảng 300m về phía Đông Nam (17°26'09.1"N;106°37'52.8"E)

K₄: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K₃ khoảng 500m về phía Đông Nam (17°26'22.6"N;106°37'56.3"E)

K₅: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K₄ khoảng 500m về phía Đông Nam (17°26'22.6"N;106°37'56.3"E)

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.

P. GIÁM ĐỐC
P. DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 10 /TNK - QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/2
Page:

1. Tên mẫu: Môi trường không khí.
2. Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình.
Địa chỉ: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh"
4. Vị trí quan trắc: 05
5. Ngày nhận mẫu: 02/3/2022
6. Ký hiệu: K6-K10
7. Ngày phân tích: 02-08/3/2022
8. Kết quả:

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả					QCVN 05:2013/BTNMT
				K ₆	K ₇	K ₈	K ₉	K ₁₀	Giá trị giới hạn (trung bình 1 giờ)
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	23	23	23	23	23	-
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	<3.000	3.215	<3.000	3.267	3.182	30.000
3	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	33,1	26,5	58,8	56,3	42,2	200
4	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	70,4	40,6	23,2	96,0	47,2	350
5	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	71	83	85	97	66	300

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.
- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí quan trắc:

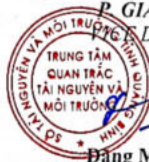
- K₆: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K₅ khoảng 500m về phía Đông Nam (đoạn dự án đi qua) (17°26'09.4"N; 106°37'56.0"E)
K₇: Tại ngã 3 giao quốc lộ 1A và đường vào khu dân cư Phú Hồng, cách K₆ khoảng 250m về phía Đông Nam (17°26'07.9"N; 106°38'04.2"E)
K₈: Tại khu dân cư xóm 1 Lương Yên cách K₆ khoảng 250m về phía Đông Nam (17°26'04.2"N; 106°38'03.3"E)
K₉: Tại điểm cuối tuyến chính, điểm đầu tuyến nhánh của dự án (17°25'59.6"N; 106°37'59.3"E)
K₁₀: Tại quốc lộ 1A, điểm cuối tuyến nhánh (17°26'00.0"N; 106°38'06.0"E)

Trường phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.

P. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 46 /TNN-QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/2
Page:

1. Tên mẫu: Nước mặt.
2. Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình.
Địa chỉ: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh"
4. Số lượng mẫu: 02.
5. Ngày nhận mẫu: 02/3/2022.
6. Ngày phân tích: 02-09/3/2022.
7. Mẫu do khách hàng gửi: .
8. Mẫu do phòng QTMT lấy: .
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 08-MT:2015/BTNMT			
						Giá trị giới hạn			
				M ₁	M ₂	A		B	
1	pH	TCVN 6492:2011		7,96	7,84	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	19	22	20	30	50	100
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	12,5	20,8	10	15	30	50
4	BOD ₅ (20°C)	SMEWW 5210D:2017	mg/l	7,9	13,3	4	6	15	25
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,75	0,77	0,3	0,3	0,9	0,9
6	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,23	0,30	0,5	1	1,5	2
7	Chì	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,002	<0,002	0,02	0,02	0,05	0,05
8	Kẽm	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,04	<0,04	0,5	1	1,5	2
9	Đồng	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,04	<0,04	0,1	0,2	0,5	1
10	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,03	<0,03	0,1	0,2	0,5	1

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu được kiểm tra;

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, tên khách hàng, mục đích được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí lấy mẫu:

M₁: Tại nương thủy lợi Phú Hải - Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 200m về phía thượng lưu (17°26'09.4"N; 106°37'50.0"E).

M₂: Tại nương thủy lợi Phú Hải - Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 100m về phía thượng lưu (17°26'09.1"N; 106°37'52.8"E).

Trưởng phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.



Đặng Minh Hoàng



Số: 46 /TN- QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/2
Page:

- Tên mẫu: Nước mặt.
- Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình.
Địa chỉ: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh"
- Số lượng mẫu: 03.
- Ngày nhận mẫu: 02/3/2022.
- Ngày phân tích: 02-09/3/2022.
- Mẫu do khách hàng gửi: .
- Mẫu do phòng QTMT lấy: .
- Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT			
							Giá trị giới hạn			
				M ₃	M ₄	M ₅	A		B	
1	pH	TCVN 6492:2011		7,91	7,64	7,72	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	24	17	17	20	30	50	100
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	16,6	16,6	12,5	10	15	30	50
4	BOD ₅ (20°C)	SMEWW 5210D:2017	mg/l	10,1	11,0	7,8	4	6	15	25
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,76	0,75	0,77	0,3	0,3	0,9	0,9
6	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,29	0,28	0,30	0,5	1	1,5	2
7	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,002	<0,002	<0,002	0,02	0,02	0,05	0,05
8	Kẽm	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,04	<0,04	<0,04	0,5	1	1,5	2
9	Đồng	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,04	<0,04	<0,04	0,1	0,2	0,5	1
10	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,03	<0,03	<0,03	0,1	0,2	0,5	1

Gi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu được kiểm tra;
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, tên khách hàng, mục đích được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí lấy mẫu:

M₃: Tại mương thủy lợi Phú Hải - Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 50m về phía hạ lưu (17°26'08.5"N; 106°37'57.9"E).

M₄: Tại mương thủy lợi Phú Hải - Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 100m về phía hạ lưu (17°26'08.2"N; 106°37'59.8"E).

M₅: Tại mương thủy lợi Phú Hải - Lương Ninh có cầu của Dự án đi qua khoảng 150m về phía hạ lưu (17°26'08.0"N; 106°38'02.1"E).

Trưởng phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.



Đặng Minh Hoàng



Số: 17 /TNK-QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/2
Page:

- Tên mẫu:** Tiếng ồn (Trung bình giờ)
- Khách hàng:** Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình
- Địa chỉ:** Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Tuyến đường Phú Hải – Lương Ninh".
- Số điểm đo:** 05
- Ngày quan trắc:** 01/3/2022
- Kết quả:**

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 26:2010 /BTNMT
1	K1: Ngã tư giao Quốc lộ 1A và đường từ Cầu Nhật Lệ 2 vào điểm đầu Dự án. 17°26'54.6"N 106°37'53.4"E	TCVN 7878-2:2018	dBA	64,5	70
2	K2: Tại điểm đầu tuyến chính của Dự án. 17°26'51.9"N 106°37'41.9"E			57,6	
3	K3: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K2 khoảng 300m về phía Đông Nam. 17°26'43.8"N 106°37'45.9"E			59,1	
4	K4: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K3 khoảng 500m về phía Đông Nam. 17°26'22.6"N 106°37'56.3"E			54,9	
4	K5: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K4 khoảng 500m về phía Đông Nam. 17°26'16.0"N 106°37'59.6"E			56,3	

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 17 /TNK-QTMT

No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/2

Page:

1. Tên mẫu: Tiếng ồn (Trung bình giờ)
 2. Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình
 Địa chỉ: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
 3. Mục đích: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
 "Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh".
 4. Số điểm đo: 5
 5. Ngày quan trắc: 01/3/2022
 6. Kết quả:

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 26:2010 /BTNMT
1	K1: Ngã tư giao Quốc lộ 1A và đường từ Cầu Nhật Lệ 2 vào điểm đầu Dự án. 17°26'54.6"N 106°37'53.4"E	TCVN 7878-2:2018	dBA	64,5	70
2	K2: Tại điểm đầu tuyến chính của Dự án. 17°26'51.9"N 106°37'41.9"E			57,6	
3	K3: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K2 khoảng 300m về phía Đông Nam. 17°26'43.8"N 106°37'45.9"E			59,1	
4	K4: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K3 khoảng 500m về phía Đông Nam. 17°26'22.6"N 106°37'56.3"E			54,9	
4	K5: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K4 khoảng 500m về phía Đông Nam. 17°26'16.0"N 106°37'59.6"E			56,3	

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 20 /TNK-QTMT

No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/2

Page:

1. Tên mẫu: Gia tốc rung
2. Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình
Địa chỉ: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
"Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh".
4. Số điểm đo: 05
5. Ngày quan trắc: 01/3/2022
6. Kết quả:

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 27:2010 /BTNMT
1	K6: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K5 khoảng 500m về phía Đông Nam (đoạn Dự án đi qua). 17°26'09.4"N 106°37'56.0"E	TCVN 6963:2001	dB	37,5	70
2	K7: Tại ngã 3 giao Quốc lộ 1A và đường vào khu dân cư Phú hồng, cách K6 khoảng 250m về phía Đông Nam 17°26'07.9"N 106°38'04.2"E			40,2	
3	K8: Tại khu dân cư xóm 1 Lương yên cách k6 khoảng 250m về phía Đông Nam. 17°26'04.2"N 106°38'03.3"E			38,3	
4	K9: Tại điểm cuối tuyến chính, điểm đầu tuyến nhánh của Dự án. 17°25'59.6"N 106°37'59.3"E			38,9	
5	K10: Tại Quốc lộ 1A, điểm cuối tuyến nhánh. 17°26'00.0"N 106°38'06.0"E			43,5	

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 20 /TNK-QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/2
Page:

1. Tên mẫu: Gia tốc rung
2. Khách hàng: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình
Địa chỉ: Số 08, đường 23/8, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
"Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh".
4. Số điểm đo: 05
5. Ngày quan trắc: 01/3/2022
6. Kết quả:

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 27:2010 /BTNMT
1	K6: Tại khu dân cư Phú Hồng cách K5 khoảng 500m về phía Đông Nam (đoạn Dự án đi qua). 17°26'09.4"N 106°37'56.0"E	TCVN 6963:2001	dB	37,5	70
2	K7: Tại ngã 3 giao Quốc lộ 1A và đường vào khu dân cư Phú hồng, cách K6 khoảng 250m về phía Đông Nam 17°26'07.9"N 106°38'04.2"E			40,2	
3	K8: Tại khu dân cư xóm 1 Lương yên cách K6 khoảng 250m về phía Đông Nam. 17°26'04.2"N 106°38'03.3"E			38,3	
4	K9: Tại điểm cuối tuyến chính, điểm đầu tuyến nhánh của Dự án. 17°25'59.6"N 106°37'59.3"E			38,9	
5	K10: Tại Quốc lộ 1A, điểm cuối tuyến nhánh. 17°26'00.0"N 106°38'06.0"E			43,5	

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

Đồng Hới, ngày 15 tháng 3 năm 2022.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR^o



Đặng Minh Hoàng